HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……/2023/NQ-HĐND	*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2023*

DỰ THẢO 3

NGHỊ QUYẾT
Về cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/06/2013; Điều 8 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/ 2018;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Khoản 3 Điều 217 Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017; Khoản 4 Điều 99 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ ngày 25/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022.

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/07/2019 của Bộ Tài chính Quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025";

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021- 2030;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý tài chính thực hiện chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030;

Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số..... ngày .../..../2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Đối tượng áp dụng

1.1. Doanh nghiệp, doanh nhân, cá nhân.

- Doanh nghiệp hoạt động theo pháp luật Việt Nam, đăng ký hoạt động tại tỉnh Tuyên Quang.

- Doanh nhân là người Việt Nam hoạt động tại tỉnh Tuyên Quang.

- Cá nhân có các giải pháp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, đã đăng ký thường trú tại tỉnh Tuyên Quang.

- Ưu tiên hỗ trợ cho doanh nhân trong cùng một nội dung hỗ trợ; trường hợp đã hỗ trợ cho doanh nhân thì không hỗ trợ cho doanh nghiệp (nếu doanh nhân đó là đối tượng quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 23, khoản 24, khoản 25, khoản 29, khoản 30 Điều 4, Luật Doanh nghiệp). Doanh nghiệp, doanh nhân được hỗ trợ 01 lần cho 01 nội dung trong năm, trường hợp cùng nội dung đủ điều kiện được nhận nhiều mức hỗ trợ, doanh nghiệp, doanh nhân được lựa chọn mức hỗ trợ cao nhất.

1.2. Không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nhân là người nước ngoài.

2. Hoạt động được hỗ trợ

2.1. Nghiên cứu khoa học (đề tài, dự án cấp tỉnh, cấp cơ sở); ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ tiên tiến.

2.2. Chuyển giao công nghệ; đổi mới, cải tiến công nghệ; ươm tạo công nghệ để chuyển giao; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ (Đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ; cập nhật công nghệ mới, tìm kiếm công nghệ; đàm phán và chuyển giao công nghệ; kỹ năng vận hành, khai thác hiệu quả các công nghệ; thích nghi, cải tiến công nghệ; bồi dưỡng chuyên sâu về thiết kế, phát triển sản phẩm trên công nghệ).

2.3. Xác lập quyền bảo hộ tài sản trí tuệ (quyền sở hữu công nghiệp) ở trong nước và ở nước ngoài: Thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu sáng công nghiệp, nhãn hiệu.

2.4. Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, gồm: Xây dựng, đánh giá chứng nhận dựa hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, HACCP và các tiêu chuẩn khác; xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở; hệ thống chỉ tiêu đo lường năng suất của doanh nghiệp; đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn và đánh giá chứng nhận hợp quy; tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, khu vực, quốc tế; áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa".

2.5. Hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gồm một trong các hoạt động sau: Đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ); thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

3. Nội dung, định mức hỗ trợ

3.1. Hỗ trợ đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật

- Ưu tiên cho doanh nghiệp, doanh nhân thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan khoa học thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở thiết thực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, an ninh-quốc phòng của địa phương.

- Hỗ trợ đến 30% tổng kinh phí thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nhân.

3.2. Hỗ trợ đổi mới công nghệ

- Hỗ trợ đến 20% kinh phí đổi mới công nghệ thông qua hợp đồng *(giá trị trên 5 tỷ đồng hỗ trợ đến 10%, tối đa không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp; giá trị trên 2 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng hỗ trợ đến 15%, tối đa không quá 300 triệu đồng/doanh nghiệp; giá trị từ 300 triệu đồng đến 2 tỷ đồng hỗ trợ đến 20%, tối đa không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp)*.

- Hỗ trợ đến 40% chi phí cho nghiên cứu, thiết kế thiết bị và thay đổi quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn chiếm lĩnh thị trường trong nước *(tối đa 1 thiết bị, quy trình công nghệ/1doanh nghiệp, cá nhân và không quá 50 triệu đồng/thiết bị, quy trình công nghệ)*.

- Hỗ trợ đến 20% kinh phí dự án đổi mới một phần, cải tiến công nghệ, áp dụng sáng chế, giải pháp hữu ích *(giá trị trên 1 tỷ đồng trở lên hỗ trợ đến 10%, tối đa không quá 200 triệu đồng/doanh nghiệp; giá trị từ 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng hỗ trợ đến 15% giá trị dự án, tối đa không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp; giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng hỗ trợ đến 20% giá trị dự án, tối đa không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp).*

- Hỗ trợ đến 50% kinh phí xây dựng các mô hình ứng dụng, triển khai công nghệ phục vụ nông nghiệp, nông thôn *(tối đa 1 mô hình/1 tổ chức, cá nhân, không quá 70 triệu đồng/mô hình).*

- Hỗ trợ đến 70% kinh phí đánh giá công nghệ, thẩm định và đánh giá công nghệ chuyển giao *(tối đa không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp/năm).*

- Hỗ trợ đến 50% kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ (nhưng tối đa không quá 5 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm).

3.3. Hỗ trợ xác lập quyền bảo hộ tài sản trí tuệ (quyền sở hữu công nghiệp).

- Hỗ trợ xác lập quyền bảo hộ tài sản trí tuệ (xác lập bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp) ở trong nước (25 triệu đồng/Bằng sáng chế hoặc Bằng giải pháp hữu ích; 15 triệu đồng/Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp (tối đa 03 kiểu dáng công nghiệp/1 doanh nghiệp/năm); 12 triệu đồng/Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (tối đa 03 nhãn hiệu/1doanh nghiệp/năm).

- Hỗ trợ xác lập quyền bảo hộ tài sản trí tuệ (xác lập bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp) ở nước ngoài: Đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp,

nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý: 60 triệu đồng/Bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích hoặc Giấy chứng nhận nhãn hiệu (tối đa 2 đối tượng bảo hộ/doanh nghiệp/năm).

3.4. Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Hỗ trợ 30 triệu đồng/doanh nghiệp kinh phí xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn chất lượng cơ bản, hệ thống quản lý chất lượng đặc thù ngành, lĩnh vực; tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới được công bố và các tiêu chuẩn khác (ISO 9001, ISO 14000, ISO 22000, ISO 2700, HACCP).

- Hỗ trợ 10 triệu đồng/doanh nghiệp khi công bố áp dụng tiêu chuẩn cơ sở (tối đa không quá 2 sản phẩm/doanh nghiệp/năm) .

- Hỗ trợ 20 triệu đồng/doanh nghiệp áp dụng các công cụ cải tiến nâng cao năng suất chất lượng cơ bản, áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù cho ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới được công bố (5S, KAIZEN).

- Hỗ trợ 15 triệu đồng/sản phẩm cho một doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia, Tiêu chuẩn Quốc gia (tối đa không quá 5 sản phẩm/năm/doanh nghiệp); 20 triệu đồng/sản phẩm cho một doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn khu vực (tối đa không quá 2 sản phẩm/năm cho một doanh nghiệp); hỗ trợ 30 triệu đồng/sản phẩm/năm cho một doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn quốc tế (tối đa không quá 2 sản phẩm/năm/doanh nghiệp).

- Hỗ trợ 15 triệu đồng/sản phẩm, hàng hoá/một doanh nghiệp được chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia; 20 triệu đồng/sản phẩm, hàng hoá/một doanh nghiệp được chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế".

- Hỗ trợ doanh nghiệp đạt giải thưởng về chất lượng:

+ Đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia: Hỗ trợ 30.000.000 đồng/giải thưởng.

+ Đạt Giải vàng Chất lượng Quốc gia: Hỗ trợ 40.000.000 đồng/giải thưởng.

+ Đạt Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương: Hỗ trợ 50.000.000 đồng/giải thưởng".

3.5. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Hỗ trợ 50% kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (nhưng tối đa không quá 60.000.000 đồng/doanh nghiệp).

- Hỗ trợ 30 triệu đồng/doanh nghiệp khi được cơ quan quản lý nhà nước cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ".

4. Nguồn vốn hỗ trợ

- Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm;

- Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành.

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày.....tháng.....năm 2023; có hiệu thực thi hành từ ngày... tháng.....năm 2024 và thay thế Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Những doanh nghiệp, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ theo Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực được tiếp tục áp dụng cơ chế hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh (tính đến khi kết thúc nhiệm vụ được phê duyệt)./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các văn phòng: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công báo tỉnh Tuyên Quang;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CV VP HĐND tỉnh.